

Số: 46 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO

Tổng kết việc triển khai Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015 và đề xuất lựa chọn trong giai đoạn 2016-2020

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....1810.....
	Ngày: 24/3/15.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 1052/BKHĐT-QLKKT ngày 25/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo tổng kết việc triển khai Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015 và đề xuất lựa chọn trong giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh Quảng Ngãi xin báo cáo một số nội dung như sau:

I. Thông tin chung:

- Khu kinh tế Dung Quất được thành lập tại Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ quyết (trước đây là KCN Dung Quất được thành lập tại Quyết định số 207/QĐ-TTg ngày 11/4/1996).

- Ngày 20/01/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 124/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 từ 10.300ha lên đến 45.332ha; trong đó, phần diện tích Khu kinh tế hiện hữu là 10.300 ha, phần diện tích mở rộng khoảng 24.280 ha và khoảng 10.752 ha diện tích mặt biển. Bao gồm: toàn bộ diện tích các xã Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phước, Bình Hòa, Bình Phú, Bình Dương, Bình Thanh Đông, Bình Thanh Tây, Bình Tân, Bình Châu, Bình Thới và một phần các xã Bình Nguyên, Bình Long, Bình Hiệp, Bình Trung của huyện Bình Sơn; thị trấn Châu Ổ; toàn bộ diện tích các xã Tịnh Phong, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ và một phần xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh; toàn bộ diện tích huyện đảo Lý Sơn; khu vực mặt biển liền kề (diện tích khoảng 10.752 ha).

- Mục tiêu phát triển: xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông, lâm, ngư nghiệp. Trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp hóa chất; các ngành công nghiệp có quy mô lớn bao gồm: công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác hiệu quả cảng nước sâu Dung Quất, sân bay Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi, Sa Kỳ.

- Khu kinh tế Dung Quất được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chọn là 1 trong 05 nhóm khu kinh tế ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2015 tại Công văn số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012.

II. Tình hình đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

1. Công tác quy hoạch:

a) Quy hoạch chung xây dựng:

(1) Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 16/8/2007, với diện tích 10.300 ha.

(2) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011, với diện tích 45.332 ha;

b) Quy hoạch các khu chức năng:

(1) Quy hoạch chi tiết xây dựng điều chỉnh và thiết kế đô thị Khu đô thị mới Vạn Tường được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 13/2/2009 với diện tích 3.828ha;

(2) Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Tây Dung Quất (điều chỉnh) được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 190/QĐ-UB ngày 24/11/2010 với diện tích 2.676 ha;

(3) Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 với tổng diện tích GĐ 1 khoảng 458 ha

(4) Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu công nghiệp Dung Quất II được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 321/QĐ-UB ngày 21/12/2012 với diện tích 2.824 ha;

(5) Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất (điều chỉnh) được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 với diện tích 5.784 ha;

(6) Quy hoạch chi tiết xây dựng Phân khu đô thị Dốc Sỏi với diện tích khoảng 290 ha được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 26/4/2013;

(7) Quy hoạch chi tiết xây dựng Phân khu đô thị Sa Kỳ với diện tích khoảng 520 ha đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 09/7/2013.

(8) Quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu tại KKT Dung Quất giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 04/01/2013.

(9) Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 02/7/2014 với diện tích 645,69 ha.

(10) Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Dung Quất II, Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2030 được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định 2955/QĐ-BGTVT ngày 5/8/2014.

2. Tình hình bố trí vốn NSNN:

Từ khi thành lập đến nay, Khu kinh tế Dung Quất đã và đang triển khai 42 dự án đầu tư hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, với tổng mức đầu tư khoảng 4.187 tỷ đồng; vốn cấp đến nay là: 3.869.703 triệu đồng và 3.850.000 USD; trong đó:

- NSTW hỗ trợ hạ tầng khu kinh tế: 2.088.890 triệu đồng;
- NSTW hỗ trợ theo Quyết định 183/2004/QĐ-TTg: 41.000 triệu đồng;
- NSTW hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất: 280.000 triệu đồng;
- Nguồn trái phiếu Chính phủ: 286.263 triệu đồng;
- Nguồn tăng thu Ngân sách Trung ương: 900.000 triệu đồng;
- Ngân sách Tỉnh hỗ trợ: 273.550 triệu đồng.

- Nguồn vốn ODA: Dự án cung cấp thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Dung Quất, 3.850.000 USD nguồn vốn ODA của Chính phủ Đan Mạch đã ký kết hợp đồng kinh tế và đã triển khai cung cấp thiết bị. Hiện nay, Trường trung cấp nghề Dung Quất (nay là Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất) đã giao về Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý.

Đến 31/01/2015, đã giải ngân được 2.664.703 triệu đồng và 3.850.000 USD.

(Số liệu cụ thể theo biểu số 2 và biểu số 3 kèm theo)

3 Đánh giá tình hình đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

a) Về công tác quản lý vốn:

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất:

- Chủ động xây dựng kế hoạch và tập trung bố trí vốn cho các dự án đầu tư thực sự cấp bách đáp ứng các mục tiêu, định hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất để hoàn thiện kết cấu hạ tầng khung đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất toàn diện, bền vững; phát huy cao nhất hiệu quả, sức loan toả của các dự án, hiệu quả của vốn ngân sách nhà nước. Trong kế hoạch hàng năm, chủ động bố trí hoàn thành các năm trước, hoàn thành trong năm kế hoạch và các dự án chuyển tiếp nên không xảy ra tình trạng đầu tư dàn trải, dở dang, thiếu hiệu quả; không nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Đôn đốc các Ban Quản lý dự án, các nhà thầu triển khai các dự án, gói thầu ngay từ đầu năm (sau khi có kế hoạch vốn hàng năm được giao) đảm bảo hoàn thành khối lượng thực hiện, khối lượng giải ngân, tiến độ thực hiện dự án, đồng thời đảm bảo chất lượng, mỹ quan công trình, an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại công trường.

b) Kết quả đầu tư hạ tầng:

Sau hơn 19 năm đầu tư và phát triển đến nay, đã xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng các công trình hạ tầng cơ bản đáp ứng được yêu cầu đầu tư phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, gồm:

- Hạ tầng kỹ thuật: đã hoàn thành đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng như: Các tuyến giao thông trục chính đô thị Vạn Tường, tuyến Bình Long - Nhà máy lọc dầu - cảng Dung Quất (đường Võ Văn Kiệt), đường Dung Quất - sân bay Chu Lai - cảng Kỳ Hà và các tuyến giao thông trục chính trong các khu công nghiệp, tổng chiều dài các tuyến giao thông đã đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng là 130 km; xây dựng kè chắn cát cảng Dung Quất 1, cầu cảng cá sông Trà Bồng; hệ thống thoát nước mưa KCN phía Đông Dung Quất, hạ tầng phân KCN Sài Gòn - Dung Quất...

- Các công trình hạ tầng xã hội và môi trường: đã đầu tư xây dựng hoàn thành 20 Khu dân cư quy mô diện tích 150 ha phục vụ việc di dời hơn 2000 hộ với hơn 15.000 nhân khẩu; Trường cao đẳng nghề Dung Quất: quy mô đào tạo 2.000 học sinh; Trung tâm truyền hình Dung Quất; Bệnh viện Dung Quất (100 giường); Trung tâm văn hoá thể thao thành phố Dung Quất (4,2 ha); Hệ thống thoát nước mưa và thu gom xử lý nước thải trung tâm phía Bắc Vạn Tường (3,6km); Khu xử lý chất thải rắn; Lâm viên văn hóa Vạn Tường, Hạ tầng phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất (118,25 ha); Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật Nông lâm nghiệp Dung Quất (3,8 ha), Trụ sở Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất tại đô thị Vạn Tường (1,4 ha).

- Ngoài ra, việc đầu tư hệ thống cấp điện, bưu chính viễn thông, cấp nước, cảng biển và hạ tầng KCN, các công trình dịch vụ tiện ích khác do các Tập đoàn, Tổng công ty đầu tư với tổng vốn đầu tư khoảng 5.000 tỷ đồng; đây là các công trình hạ tầng cơ bản, cần thiết để đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển của Khu kinh tế Dung Quất.

Tuy nhiên, do vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, một số hạng mục của các dự án chưa triển khai theo đúng tiến độ đề ra.

c) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Các Bộ ngành Trung ương đã quan tâm, ưu tiên bố trí vốn NSTW để đầu tư kết cấu hạ tầng tuy nhiên vẫn còn thấp (*Ngân sách Trung ương hỗ trợ kể từ khi có Quyết định 126/2009/QĐ-TTg là 817,2 tỷ đồng (2010: 100 tỷ đồng, 2011: 75 tỷ đồng, 2012: 100 tỷ đồng, 2013: 147,2 tỷ đồng, 2014: 150 tỷ đồng, 2015: 245 tỷ đồng)*) so với yêu cầu đặt ra, trong khi đó nguồn vốn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp nên chưa đáp ứng được yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

- Việc thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng theo các hình thức BT, BOT, BTO, PPP, BO, huy động từ quỹ đất... gặp nhiều khó khăn do khả năng huy động vốn của các nhà đầu tư và khả năng hoàn trả vốn của các dự án không cao.

- Nguồn thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất là rất lớn (2009: 2.800 tỷ đồng, 2010: 13.000 tỷ đồng, 2011: 15.532 tỷ đồng, 2012: 16.600 tỷ đồng, 2013: 27.500 tỷ đồng, 2014: 24.700 tỷ đồng), trong khi đó cơ chế tài chính hỗ trợ từ nguồn vốn NSNN để đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất

theo quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính: số 119/2005/TT-BTC ngày 22/12/2005 và số 33/2008/TT-BTC ngày 23/04/2008 vẫn chưa được thực hiện (*Trong thời gian 15 năm đầu; kể từ khi quyết định này có hiệu lực thi hành, Ngân sách nhà nước cân đối hàng năm không thấp hơn toàn bộ nguồn thu Ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất cho yêu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng, phục vụ chung cho Khu kinh tế Dung Quất theo các chương trình mục tiêu*).

- Việc triển khai thực hiện thực hiện một số dự án, gói thầu còn chậm làm kéo dài thời gian hoàn thành đưa vào sử dụng sớm phát huy hiệu quả đầu tư.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất chậm trễ, gặp nhiều khó khăn vướng mắc; một số quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa thật sự hợp lý làm giá bồi thường, hỗ trợ về đất qua từng năm vẫn còn biến động tăng tạo ra sự không công bằng trong bộ phận người có đất bị thu hồi đã làm ảnh hưởng đến tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất.

d) Các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng dự kiến triển khai đến năm 2020 (có danh mục dự án theo phụ biểu số 9 và phụ biểu số 10 kèm theo).

III. Tình hình thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh:

1. Tình hình thực hiện:

Đến tháng 02/2015, tại Khu kinh tế Dung Quất đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 128 dự án với tổng vốn đăng ký là 10,5 tỷ USD (trong đó có 104 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký là 116.4173 tỷ đồng, tương đương 6,556 tỷ USD; 24 dự án nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 3,97 tỷ USD). Tổng giá trị vốn thực hiện đầu tư khoảng 4,96/10,5 tỷ USD (đạt 47%); trong đó, các dự án trong nước thực hiện đầu tư khoảng 4,484 tỷ USD, các dự án nước ngoài thực hiện đầu tư khoảng 0,476 tỷ USD.

Tổng diện tích thuê đất để thực hiện dự án là 2.904,23 ha. Có 74 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất - kinh doanh, cụ thể theo từng lĩnh vực như sau:

a) Công nghiệp Lọc hóa dầu và công nghiệp nặng:

- Đã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy lọc dầu Dung Quất cuối năm 2009.

- Đồng thời, đã xây dựng hoàn thành một số nhà máy hóa dầu, hóa chất như: hạt nhựa PP, xăng sinh học Bio Ethanol, các dự án phụ trợ khác...

- Các nhà máy công nghiệp nặng có quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất đã được triển khai đầu tư hoàn thành trong những năm qua, sản xuất ra sản phẩm cơ khí quy mô lớn mang tầm quốc gia, tạo giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu lớn như: Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất; Nhà máy công nghiệp nặng Doosan Việt Nam sản xuất các sản phẩm cơ khí và đã được Ban Chỉ đạo Chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm quốc gia xác nhận loại hình doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng cơ khí trọng điểm...

b) Về công nghiệp nhẹ:

Bước đầu đã thu hút các dự án đầu tư sản xuất, chế biến nguyên liệu tại chỗ và xuất khẩu, đã giải quyết nhiều lao động phổ thông tại địa phương, như: các nhà máy chế biến gỗ, dăm, sản xuất đồ gia dụng, gia công cơ khí, may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng... Đặc biệt dự án Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP được cấp phép (với vốn đăng ký 125,3 triệu USD) đã và đang triển khai nhanh chóng. Đây là dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ có sức lan toả rất lớn; với tầm ảnh hưởng của dự án và tính chuyên nghiệp của mình, Công ty TNHH KCN Việt Nam - Singapore đã tạo nên một động lực mới trong thu hút các dự án thứ cấp vào KCN VSIP. Theo đó, hiện nay, tại KCN VSIP có 08 doanh nghiệp nước ngoài và 01 dự án trong nước đã đăng ký và đầu tư xây dựng vào KCN với tổng vốn đăng ký khoảng 137,81 triệu USD.

Các dự án này hoạt động chủ yếu là ngành lĩnh vực thuộc công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động; qua đó góp phần phát triển đột phá đối với các ngành công nghiệp nhẹ tại Khu kinh tế Dung Quất trong thời gian đến.

c) Đầu tư khai thác cảng nước sâu gắn với dịch vụ hậu cần cảng:

Đã hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác bến số 1 cảng dầu khí, cảng tổng hợp Gemadept. Mở rộng bến cảng số 1 và xây dựng hoàn thành các bến xuất sản phẩm tại cảng nước sâu Dung Quất; đảm bảo phục vụ quá trình xây dựng, vận hành sản xuất của Nhà máy lọc dầu Dung Quất và các dự án hóa dầu, hóa chất; các dự án sản xuất công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ.

d) Về dịch vụ tiện ích và nhà hàng khách sạn:

- Về phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, viễn thông, dịch vụ cảng: hiện nay tại Khu kinh tế Dung Quất đã bước đầu hình thành các chi nhánh các ngân hàng gồm: Vietcombank, VIBank, BIDV, Agibank, Vietin Bank. Các dịch vụ viễn thông đã được triển khai tương đối đồng bộ và các dự án khác trong Khu kinh tế Dung Quất.

- Cơ bản đã hoàn thiện hệ thống nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn, trong đó có khách sạn đạt chuẩn bốn sao. Đây là yếu tố quan trọng và đóng góp rất lớn đến thành quả của sự phát triển KKT Dung Quất, là điều kiện để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

2. Danh mục các dự án đầu tư lớn, động lực đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư và còn hiệu lực trong Khu kinh tế Dung Quất (có biểu số 6 kèm theo).

3. Các dự án lớn dự kiến thu hút đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian đến:

a) Dự án đưa khí vào KKT Dung Quất và hình thành tổ hợp các dự án điện khí:

Mỏ khí Cá Voi Xanh có trữ lượng khí rất lớn, nằm ngoài khơi tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam, cách bờ biển Dung Quất khoảng 75 km (là điểm tiếp bờ gần nhất).

Hiện nay, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Exxon Mobil đã có kết quả nghiên cứu sơ bộ và đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đây là mỏ khí có trữ lượng rất lớn và có hàm lượng khí CO₂ và H₂S cao; chủ yếu dùng cho nhà máy

điện khí (giai đoạn 1 khoảng 2.500MW và có thể mở rộng lên 4.500MW) và có thể sử dụng làm nguyên liệu cho NMLD (sau khi mở rộng). Các bên đang tiếp tục nghiên cứu đánh giá xây dựng các phương án về khai thác, vận chuyển khí vào bờ, xây dựng trung tâm xử lý khí (tách khí H₂S là loại khí độc), phân phối khí đã qua xử lý, xây dựng Tổ hợp điện,...

Trên cơ sở yêu cầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đối tác Exxon Mobil về diện tích, các điều kiện về cơ sở hạ tầng như giao thông, cảng biển, cấp điện, cấp nước..., UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giới thiệu, cung cấp tài liệu liên quan và cùng PVN, Exxon Mobil tổ chức khảo sát sơ bộ 5 vị trí tiềm năng phục vụ nghiên cứu địa điểm cho Dự án đưa khí vào bờ (Tổ hợp khí điện) tại KKT Dung Quất với diện tích bố trí tối thiểu khoảng 200ha.

b) Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Dung Quất của Sembcorp

Dự án Nhà máy nhiệt điện Dung Quất, với công suất 1.200 MW, tổng mức đầu tư khoảng 2,3 tỷ USD đã được Thủ tướng Chính phủ đã nhất trí chủ trương bổ sung Dự án vào Quy hoạch Điện VII và cho phép đầu tư theo hình thức BOT (Công văn số 3468/VPCP-KTN ngày 04/5/2013) và đang được Bộ Công thương thẩm định dự án đầu tư. Đây là một dự án lớn có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung. Dự án dự kiến khởi công trong năm 2016 và xây dựng đưa vào vận hành năm 2020 sẽ là nguồn cung cấp điện năng quan trọng cho Khu kinh tế Dung Quất và khu vực các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, đáp ứng các tiêu chí về cân đối tăng tỷ lệ công suất nguồn nhiệt điện so với thủy điện của khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải tại chỗ, tránh truyền tải xa, tăng cường chất lượng điện năng, giảm tổn thất truyền tải, tăng cường tính chủ động, tin cậy cung cấp điện cho khu vực.

Hiện nay, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất tích cực hoàn thành các thủ tục cần thiết để triển khai bồi thường, GPMB bàn giao cho nhà đầu tư theo tiến độ mà UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giao tại Quyết định số 95/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch, tiến độ chi tiết thực hiện công tác bồi thường, tái định cư và GPMB dự án: Nhà máy nhiệt điện Sembcorp; đồng thời, sẽ đăng ký làm việc với Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương để xem xét bố trí vốn NSTW hỗ trợ công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án.

c) Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất: từ 6,5 lên 8,5 triệu tấn/năm, vốn tăng thêm 1,82 tỷ USD. Dự kiến quý I/2016 bàn giao mặt bằng sạch để khởi công xây dựng hoàn thành Dự án đưa vào vận hành trong năm 2021. Đồng thời hình thành Tổ hợp lọc hoá dầu với khoảng 45 nhà máy, vốn dự kiến khoảng 04 - 05 tỷ USD.

d) Dự án Nhà máy bột giấy VNT19: Vốn đầu tư 350 triệu USD, công suất 350.000 tấn bột giấy/năm; hiện đang thi công san nền, dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

IV. Đóng góp của Khu kinh tế Dung Quất:

Sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất đã khơi dậy tiềm năng và khai thác có hiệu quả lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên, đất đai, cảng biển... đã làm thay đổi cơ bản cơ cấu GDP của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp, góp phần quan trọng làm tăng nguồn thu ngân sách tỉnh Quảng Ngãi, giải quyết hàng chục ngàn việc làm cho người lao động địa phương, thu nhập bình quân đầu người tăng lên, góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn...

Giai đoạn 2011 - 2014, Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục đóng góp cao vào nguồn thu của tỉnh với trên 82.582 tỷ đồng vào nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2011: 15.756 tỷ đồng, 2012: 16.600 tỷ đồng, 2013: 27.500 tỷ đồng, 2014: 22.950 tỷ đồng); năm 2015 thu ngân sách trên địa bàn KKT Dung Quất dự kiến 28.000 tỷ đồng, góp phần đưa tỉnh Quảng Ngãi từ một tỉnh có nguồn thu ngân sách thấp từ năm 2005 trở về trước trở thành một tỉnh có nguồn thu lớn của cả nước; giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất, nhập khẩu chiếm hơn 80% của cả tỉnh. Đây cũng là giai đoạn chứng kiến sự phát triển bứt phá mạnh mẽ của tỉnh Quảng Ngãi trên các lĩnh vực kinh tế và xã hội.

(Số liệu chi tiết theo biểu số 5 đính kèm)

Lũy kế đến 31/12/2014, trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất giải quyết việc làm cho 12.018 lao động, trong đó: có 2.774 lao động nữ, chiếm 23,8%; lao động có hộ khẩu tỉnh Quảng Ngãi là 9.505 lao động, chiếm 80%, trong đó lao động có hộ khẩu huyện Bình Sơn là 5.215 lao động, chiếm 43,4%. Ngoài ra, tại Khu kinh tế Dung Quất còn thu hút khoảng trên 2.500 lao động đang làm công việc xây dựng và các dịch vụ buôn bán phục vụ tại Khu kinh tế Dung Quất. Về cơ cấu lao động theo trình độ: có 3.815 lao động trình độ đại học, cao đẳng, chiếm 31,8%; 4.738 lao động trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật, chiếm 40% và 3.374 lao động được đào tạo ngắn hạn, lao động phổ thông, chiếm 28,1% trên tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp hoạt động trong Khu kinh tế Dung Quất.

Đến nay, sau 10 năm thành lập, tại Khu kinh tế Dung Quất đã hình thành một lực lượng sản xuất khá lớn, tạo ra giá trị sản lượng công nghiệp cao, nhất là công nghiệp lọc dầu và các ngành công nghiệp nặng - ngành mũi nhọn quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần quan trọng làm tăng nguồn thu ngân sách tỉnh Quảng Ngãi, giải quyết hàng chục ngàn việc làm cho người lao động địa phương.

KKT Dung Quất được đánh giá là một trong những khu kinh tế tiên phong và thành công trong cả nước. Đây là cơ sở để tiếp tục phát triển KKT Dung Quất từng bước trở thành **Hạt nhân tăng trưởng** của tỉnh Quảng Ngãi và là Trung tâm Kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

V. Đánh giá điều kiện, lợi thế Khu kinh tế Dung Quất:

1. Với cảng biển nước sâu Dung Quất I (-15m) và vịnh nước siêu sâu Dung Quất II (-24m) là điều kiện tiên quyết để thu hút các dự án công nghiệp nặng, dự án có quy mô lớn và trong thực tế nhân tố này đã phát huy vai trò động lực trong thu hút đầu tư và tiếp tục mở ra triển vọng thu hút đầu tư trong thời gian đến. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông đường hàng không, đường sắt, đường bộ

cũng là nhân tố quan trọng bên cạnh cảng biển nước sâu. Thực tế những năm qua, các khu kinh tế có cảng biển nước sâu mới thu hút được các dự án công nghiệp nặng, dự án động lực.

2. Lực lượng sản xuất tại chỗ với tổng vốn đầu tư hơn 10 tỷ USD, vốn thực hiện 05 tỷ USD đang phát huy vai trò lan toả để phát triển cả về quy mô và chất lượng. Việc nhà nước tiếp tục ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng và tiện ích cho Khu kinh tế Dung Quất sẽ phát huy hiệu quả ngay, tránh rủi ro trong đầu tư công. Với nguồn thu ngân sách khá lớn từ Khu kinh tế Dung Quất, Chính phủ có điều kiện để đầu tư trở lại cho Dung Quất.

3. Vị trí chiến lược:

- Khoảng cách đường biển đến các Trung tâm kinh tế trong khu vực (Đông Bắc Á, Đông Nam Á) gần, thuận lợi cho trao đổi hàng hoá, xuất nhập khẩu, nhất là đối với các dự án hướng đến xuất khẩu.

- Nằm gần Khu kinh tế mở Chu Lai, tạo thế liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành chuỗi đô thị - công nghiệp; Đà Nẵng - Hội An - Tam Kỳ - Chu Lai - Dung Quất - Thành phố Quảng Ngãi: chuỗi đô thị - công nghiệp này được kết nối bởi trục giao thông Bắc Nam, đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và các tuyến đường xuyên Á Đông - Tây,...

VI. Đề xuất, kiến nghị:

1. Tiếp tục triển khai Đề án “Lựa chọn một số Khu kinh tế ven biển để ưu tiên tập để tập trung đầu tư giai đoạn 2016 - 2020” theo 05 tiêu chí cơ bản: vị trí chiến lược, cảng, sân bay, dự án động lực, tình hình thu hút đầu tư và lượng hoá tầm quan trọng của các tiêu chí trên theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Công văn số Công văn số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012; theo đó kính đề nghị Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục là 01 trong các khu kinh tế ven biển trọng điểm được ưu tiên để tập trung đầu tư giai đoạn 2016 - 2020.

2. Trên cơ sở: (1) Khu kinh tế Dung Quất là 01 trong các khu kinh tế ven biển trọng điểm được ưu tiên để tập trung đầu tư giai đoạn 2016 - 2020, (2) Kế hoạch vốn năm 2015 - Nguồn vốn Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất là **245 tỷ đồng** và (3) theo các văn bản hướng dẫn về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm tăng mức vốn hỗ trợ kế hoạch trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 - Nguồn vốn Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển để có đủ điều kiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển KKT Dung Quất.

3. Về đối tượng Dự án, công trình được sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ hạ tầng Khu kinh tế ven biển (theo Điều 4, Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009): kính đề nghị bổ sung đối tượng như: bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, các dự án hỗ trợ, phục vụ đời sống nhân dân bị thu hồi đất trong Khu kinh tế ven biển, các dự án về môi trường...

4. Thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi là rất lớn, đặc biệt là nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhưng không có nguồn lực để tái đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất, giải quyết những vấn đề bức xúc về an sinh xã hội và đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm nhằm tạo sự bứt phá trong phát triển Khu kinh tế Dung Quất nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung. Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Chính phủ thông qua Đề án "Hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho tỉnh Quảng Ngãi để đầu tư cơ sở hạ tầng và giải quyết an sinh xã hội giai đoạn 2015 - 2020".

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý KKT Dung Quất;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: C, PCVP(CN), KTTH, CBTH;
- Lưu VT, CN(Inphong56).



Phạm Như Sô

Biểu 1
Quy hoạch sử dụng đất và quy mô dân số KKT Dung Quất

	Năm thành lập	Diện tích (ha)									Quy mô dân số (người)	
		Tổng diện tích	Khu phi thuế quan	Đất khu công nghiệp, khu chế xuất	Đất kinh doanh khác (công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch)	Đất nông lâm ngư nghiệp	Đất dân cư, đô thị	Đất công trình công cộng, hành chính	Đất khác (mặt nước, sông, núi...)	Đất chưa sử dụng	Năm 2014	Đến năm 2020
Tổng cộng	2005	45,332		8,815	1,840	9,837	5,839	930	15,937	2,134	330,000	395,000
Tỷ lệ		100%		19%	4%	22%	13%	2%	35%	5%		

Ghi chú: Tổng hợp số liệu theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011

Biểu 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VEN BIỂN
TRƯỚC KẾ HOẠCH NĂM 2012

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch		Lũy kế vốn đã bố trí đến khi hoàn thành			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2011 (kể cả các dự án đã hoàn thành kể từ khi thành lập KKT)										
1	CT Đường nối tuyến Nam vào KDC và Chuyên gia NMLD số 1	KKT Dung Quất	10km	2001-2004		36,000	36,000	36,000	36,000	
2	Đường Ô tô nối quốc lộ 1A vào NM lọc dầu số 01			1998-2002		43,271	43,271	43,271	43,271	
3	DA đường GT trục chính KDC & CG Nhà máy lọc dầu số 1			1999-2003		42,890	42,890	42,890	42,890	
4	XD Các tuyến đường trục vào KCN Dung Quất phía Đông			2002-2006		49,452	49,452	49,452	49,452	
5	XD Các tuyến đường trục vào Khu công nghiệp Dung Quất phía Tây			2002-2006		135,658	135,658	135,658	135,658	
6	Đường nối Dung Quất - sân bay Chu Lai - cảng Kỳ Hà (GĐI)		13km	2003-2006	317/QĐ-BQL, 20/10/2005	102,300	102,300	102,300	102,300	
7	Xây dựng DA Trụ sở làm việc BQL (cũ)			2000-2003		5,415	5,415	5,415	5,415	
8	DA TT Moritoring MT KCN Dung Quất			2001-2004	438/QĐ-BQL, 04/9/2003	16,952	16,952	16,952	16,952	
9	XD Trung tâm đào tạo lao động kỹ thuật KCN Dung Quất (GĐI+GĐII)			2001-2005	115/QĐ-BQL, 02/8/2005	78,800	78,800	75,728	75,728	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch			Lũy kế vốn đã bố trí đến khi hoàn thành		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	XD Bệnh viện Dung Quất (gđ1)		100 giường	2002-2006	365/QĐ-BQL, 28/7/2006	70,560	70,560	70,560	70,560	
11	XD Trạm thu - phát truyền hình Dung Quất			2003-2006	224/QĐ-BQL, 08/6/2007	26,800	26,800	22,070	22,070	
12	XD Trung tâm văn hoá - thể thao Thành phố Vạn Tường (giai đoạn 1)		12,5ha	2002-2008	191/QĐ-BQL, 10/6/2008	58,623	58,623	56,780	56,780	
13	XD Hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải KDC & CG TP. VT (GĐI)		3,6km	2003-2006	107/QĐ-BQL, 02/8/2005	46,000	46,000	41,275	41,275	
14	XD Khu xử lý chất thải rắn KCN Dung Quất (gđ 1)			2003-2006	472/QĐ-BQL, 20/12/2007	25,779	25,779	25,780	25,780	
15	Đền bù giải phóng mặt bằng Tycoon và Doosan (GĐI)		407ha	2007-2008	630/QĐ-BQL, 23/9/2008	129,419	129,419	127,419	127,419	
16	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất		118.25 ha	2004-2006	256/QĐ-BQL, 07/6/2006	60,000	60,000	58,000	58,000	Trong đó có 41 tỷ đồng hỗ trợ theo Chương trình tại Quyết định 183/2004/QĐ-TTg
17	Xây dựng Lâm viên Thành phố Vạn Tường (GĐI)		367ha	2004-2007	532/QĐ-BQL, 27/10/2006	21,300	21,300	20,300	20,300	
18	XD Trung tâm hỗ trợ KT nông nghiệp Dung Quất		3,8ha	2005-2007	556/QĐ-BQL, 05/9/2005	12,100	12,100	11,650	11,650	
19	Đền bù trước cho nhà đầu tư nước ngoài		58ha	2008		17,790	17,790	17,790	17,790	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch			Lũy kế vốn đã bố trí đến khi hoàn thành		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	XD trụ sở Ban quản lý KKT Dung Quất (mới)		4,6ha	2007-2009	646/QĐ-BQL, 14/10/2008	57,000	57,000	57,000	57,000	
21	Cải tạo mở rộng trụ sở làm việc Ban bồi thường, tái định cư và PT quỹ đất		846m2 sàn	2009		1,000	1,000	1,000	1,000	
22	Nâng cấp thiết bị Môi trường KKT Dung Quất			2007-2008	555/QĐ-BQL, 16/8/2008	15,000	15,000	14,283	14,283	
23	Xây dựng HT Kỹ thuật KDC phía Đông sông Trà bồng			2002-2004	207/QĐ-BQL, 21/5/2004	19,280	19,280	19,280	19,280	
24	Xây dựng HT kỹ thuật KDC mới ven bờ Tây sông Trà bồng (GĐI)			2001-2005	365/QĐ-BQL, 10/12/2003	19,438	19,438	19,438	19,438	
25	XD Các nghĩa địa trong KCN Dung Quất (GĐ 1)			2004-2007	383/QĐ-BQL, 19/11/2007	7,500	7,500	7,500	7,500	
26	Dự án các Nghĩa địa phía Đông KCN Dung Quất			2002-2004	117/QĐ-BQL ngày 14/4/2003	3,197	3,197	2,596	2,596	
27	Trồng rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường Dung Quất (661)			2005-2009		16,700	16,700	9,960	9,960	
28	Đề án 112			2003-2005		1,400	1,400	1,400	1,400	
29	XD Kè chắn cát cảng Dung Quất (g.đ 1)		1km	2003-2008	128/QĐ-BQL, 22/3/2005	109,700	109,700	101,800	95,800	
30	HT khu nhà ở CN và người lao động có thu nhập thấp tại KKT Dung Quất		16ha	2009-2010	39/QĐ-BQL ngày 27/3/2009	76,458	76,458	17,302	17,302	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch		Lũy kế vốn đã bố trí đến khi hoàn thành		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
31	XD cầu cảng cá sông trà Bông phục vụ tái định cư		45-90CV	2008-2012	112/QĐ-BQL ngày 01/7/2009	184,685	184,685	184,235	184,235	Trong đó có 105 tỷ đồng từ nguồn vượt thu NMLD DQ năm 2010, 2011
32	Xây dựng đường Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn I)		12,6km	2006-2008	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006	300,000	300,000	286,263	286,263	Trái phiếu Chính phủ
<u>Tổng số</u>						<u>1,790,467</u>	<u>1,790,467</u>	<u>1,681,347</u>	<u>1,675,347</u>	

Ghi chú: Ngoài ra, vốn ngân sách Trung ương còn bố trí cho các dự án quy hoạch trong Khu kinh tế Dung Quất

Biểu 3
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VEN BIỂN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch		Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến khi hoàn thành hết hoặc đến kế hoạch năm 2015		Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch		Giải ngân		Kế hoạch		Giải ngân		Kế hoạch		Giải ngân		Kế hoạch					
								TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT						
																				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
1	Các dự án hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng trong giai đoạn 2012-2014					1,056,767	765,493	116,000	100,000	116,000	100,000	177,200	92,200	177,200	92,200	18,000	18,000	18,000	18,000	5,000	5,000	719,639	615,639		
1	XD hạ tầng kỹ thuật các Khu dân cư trong KKT Dung Quất	KKT Dung Quất	109ha	2005-2009	700/QĐ-BQL ngày 24/12/2008	219,000	219,000	15,000	15,000	15,000	15,000											215,206	212,206		
2	XD Các tuyến đường trục vào KCN Dung Quất phía Đông GDII		13,3km	2008-2012	131/QĐ-BQL ngày 24/5/2012	320,077	320,077	85,000	85,000	85,000	85,000	18000	18000	18000	18000							306,233	306,233	Trong đó có 175 tỷ đồng từ nguồn vượt thu NMLD Dung Quất năm 2010, 2011	
3	Đầu tư nâng cấp tuyến đường Dốc Sỏi - Nhà máy đóng tàu Dung Quất		6,35km	2012-2013	661/QĐ-UBND ngày 16/5/2011	78,180	62,180	16,000		16,000		54,200	54,200	54,200	54,200							70,200	54,200	Ngân sách tỉnh bố trí 16 tỷ năm 2012	
4	Hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải KCN phía Đông Dung Quất	Bình Sơn	15km	2013-2014	1517/QĐ-UBND ngày 20/10/2011	80,236	80,236					10,000	10,000	10,000	10,000	18,000	18,000	18,000	18,000	5,000	5,000	33,000	33,000	Trong kế hoạch năm 2014 trừ các khoản ứng trước 06 tỷ đồng	
5	Đền bù, giải phóng mặt bằng Dự án nhà máy thép Guang Lian (giai đoạn 1)	Bình Sơn	246 ha	2013-	1638/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	359,274	84,000					95,000	10,000	95,000	10,000							95,000	10,000	Ngân sách tỉnh bố trí 85 tỷ đồng năm 2013	
II	Các dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015					121,319	80,000	41,319	0	0	0	2,000	2,000	2,000	2,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường Tri Bình - Cảng Dung Quất	Bình Sơn	9km	2011-2012	643/QĐ-UBND ngày 10/5/2011	121,319	80,000	41,319				2,000	2,000	2,000	2,000										Năm 2014, Dự án đã ghép vào dự án đường Tri Bình - cảng Dung Quất và được bố trí 450 tỷ đồng từ nguồn vượt thu, sẽ thực hiện hoàn thành phần Bồi thường GPMB trong năm 2015

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch			Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015		Lũy kế vốn đã bố trí đến khi hoàn thành hết hoặc đến kế hoạch năm 2015		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân		Kế hoạch		Giải ngân		Kế hoạch		Giải ngân		Kế hoạch				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
III	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015					1,193,229	768,790	0	0	0	0	27,000	27,000	27,000	27,000	132,000	132,000	132,000	132,000	240,000	240,000	399,000	399,000	
1	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446,978	300,000					27,000	27,000	27,000	27,000	73,000	73,000	73,000	73,000	80,000	80,000	180,000	180,000	Trong kế hoạch năm 2014 trừ các khoản ứng trước 20 tỷ đồng
2	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	9,6 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397,712	207,712									40,000	40,000	40,000	40,000	75,000	75,000	115,000	115,000	
3	Dự án cầu Trà Bồng (trên tuyến Đốc Sỏi - Dung Quất)	Bình Sơn	350 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	287,461	200,000									19,000	19,000	19,000	19,000	70,000	70,000	89,000	89,000	
4	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	Bình Sơn	3,5ha(88 lô TĐC)	2015-2017	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61,078	61,078													15,000	15,000	15,000	15,000	
	Tổng số					2,371,315	1,614,283	157,319	100,000	116,000	100,000	206,200	121,200	206,200	121,200	150,000	150,000	150,000	150,000	245,000	245,000	1,118,639	1,014,639	

Biểu 5

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KKT VEN BIỂN TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2014

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	2		3	4	5
A. Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong KKT ven biển (lũy kế đến tháng 12 hàng năm)					
A.I. Đầu tư nước ngoài					
Tổng số dự án	dự án	0	0	7	4
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	-	-	97.34	43.11
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tr. USD	8.70	4.15	4.57	55.18
A.II. Đầu tư trong nước					
Tổng số dự án	dự án	4	3	1	9
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	8,087.00	156.05	6.53	39,253.50
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tỷ đồng	1,350.00	337.00	17.20	1,213.00
B. Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xã hội trong KKT ven biển					
B.I. Đầu tư nước ngoài					
Tổng số dự án	dự án		1		
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD		125.35		
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tr. USD	0	5.20	6.80	15.30
B.II. Đầu tư trong nước					
Tổng số dự án	dự án	0	2	1	1
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng		1,410.00	605.60	35.50
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tỷ đồng	12.00	13.00	8.00	5.00
C. Tình hình sản xuất kinh doanh					
Doanh thu	tỷ đồng	119,142.0	137,322.0	165,380.0	137,815.0
Tỷ trọng so với địa phương	%				
Giá trị nhập khẩu	tr. USD	3,559.0	835.0	1,207.0	626.0
Tỷ trọng so với địa phương	%	85.1	82.7	89.7	82.4
Giá trị xuất khẩu	tr. USD	255.0	320.0	446.0	520.0
Tỷ trọng so với địa phương	%	85.0	92.2	99.1	80.0
Nộp ngân sách	tỷ đồng	15,532.0	16,600.0	27,500.0	22,950.0
Tỷ trọng so với địa phương	%	95.8	91.6	85.34	81.76
D. Lao động					
Tổng số lao động	người	13,553	12,008	11,508	12,018
Nam	người	10,308	9,084	9,535	9,179
Nữ	người	3,245	2,924	1,973	2,830

Biểu 6

TÌNH HÌNH THU HÚT VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH QUY MÔ LỚN CÒN HIỆU LỰC TRONG KKT VEN BIỂN ĐẾN CUỐI THÁNG 2 NĂM 2015 (SỐ LIỆU LŨY KẾ)

STT	Tên dự án đầu tư sản xuất kinh doanh (*)	Quy mô công suất/năng lực thiết kế	Diện tích (ha)	Năm cấp GCNĐT/ thành lập (tháng/năm)	Thời gian KC-HT (tháng/năm)	Dự án đầu tư nước ngoài		Dự án đầu tư trong nước		Tình trạng hoạt động(*): (Chưa triển khai = 0 Đang XDCB=1 Đang SXKD=2 Khác: ghi cụ thể)	Lao động (người)				
						Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)	Vốn đầu tư thực hiện (triệu USD)	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng)	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)		Tổng số	Giới tính		Yếu tố	
												Nam	Nữ	Trong nước	Nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15	16	
1	Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	6,5 triệu tấn/năm	151	1997	2006-2009			48000	48000	2	1,413	1,224	189	1,413	0
2	NM công nghiệp tàu thủy Dung Quất	sửa & đóng tàu đến 45000DWT	118.3	2002	QI/2003-2010			6,284.00	7,000.00	2	1,423	1,236	187	1,423	0
3	Phân xưởng sản xuất Polypropylen tại Dung Quất	150.000 tấn sp/năm	13	2006	QIII/2007-2009			3,736.00	3,800.00	2					
4	DA Công nghiệp nặng Doosan		118	2006	T11/2006-T4/2010	310.00	336			2	2,375	2,134	241	2,168	207
5	Nhà máy thép Quang Lian	5 triệu tấn/năm	504	2006	T3/2008-T10/2012	3000	149.00			1	194.0	116.0	78.0	177.0	17
6	Nhà máy sản xuất Bio Ethanol	100 triệu lít/năm	25	2008	Q III/2009-II/2011			1,887.00	1,887.00	2	248.0	176.0	72.0	248.0	0
7	Dự án Kho ngầm chứa xăng dầu tại KKT DQuất	chứa 2,2 triệu tấn	180	2010	2014 - 2021	340.00				0	9.0	7.0	2.0	8.0	1
8	NM bột - giấy VNT 19 (gđ 1)	250,000 tấn/năm	70	2011	QIII/2013-IV/2016			7,907.0	1,213.00	1					
9	Khu CN, ĐT và DV VSIP Quảng Ngãi	458 ha	458	2012	KC 2013	125.35	24.78			1, 2	178.0	143.0	35.0	177.0	1
10	Nâng cấp, Mở rộng Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất	Nâng từ 6,5tr tấn lên 8,5 tr tấn/năm	304	2014	Q IV/2017-1/2022			38,817.00	0.00	0					
Tổng số			1941.3			3,775	510	106,631	61,900			5036.0	804.0	5614.0	226.0

Ghi chú: (*) Ghi cụ thể tình trạng hoạt động của dự án như: chưa triển khai (0); đang xây dựng cơ bản (1); đang sản xuất kinh doanh (2); trường hợp khác (tạm ngưng hoặc gián tiến độ thực hiện, không triển khai sau 12 tháng kể từ khi cấp phép hoặc chậm tiến độ quá 12 tháng so với quy định tại GCNĐT hoặc quyết định đầu tư)
Dự án đầu tư quy mô lớn là dự án có tổng vốn đầu tư đăng ký từ trên 50 triệu USD.

Tỉnh Quảng Ngãi

Khu kinh tế Dung Quất

Biểu 7

MỘT SỐ THÔNG TIN CẢNG BIỂN TRONG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Quy hoạch phát triển	
		Tình trạng hoạt động	Cỡ tàu (nghìn DWT)	Công năng phân loại	Công suất (triệu tấn/năm)
I	Khu Bến Dung Quất I				
I.1	Khu Bến tổng hợp			Tổng hợp có bến chuyên dùng	5 ÷ 5,5
1	Bến số 1 - cảng Dung Quất (Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC)	Đang hoạt động	20; 50 (hàng dăm giảm tải)	Cảng tổng hợp	
2	Bến số 1 cảng tổng hợp Gemadept Dung Quất (Công ty CP cảng quốc tế Gemadept Dung Quất)	Đang hoạt động	30; 70 (hàng dăm giảm tải)	Cảng tổng hợp	
3	Bến số 2 - cảng tổng hợp Dung Quất (Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam)	Chưa xây dựng		Cảng tổng hợp	
4	Bến cảng chuyên dùng phục vụ chung KKT Dung Quất (Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi)	Chưa xây dựng		Chuyên dùng chung	
I.2	Khu Bến chuyên dùng		30 ÷ 110	Cảng chuyên dùng	8 ÷ 9
I.2.1	Bến chuyên dùng				

1	Cảng Nhà máy đóng tàu Dung Quất	Đang hoạt động	10; 100 (không tải)	Chuyên dùng của nhà máy	
2	Cảng nhà máy công nghiệp nặng Doosan Dung Quất (Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam)	Đang hoạt động	20	Chuyên dùng của nhà máy	
3	Cảng Nhà máy nhiệt điện Sembcorp	Chưa xây dựng		Chuyên dùng của nhà máy	
4	Bến cảng nhà máy thép Guang Lian	Chưa xây dựng		Chuyên dùng của nhà máy	26,9 triệu tấn/ năm (GD1)
5	Kè chắn cát	Đang xây dựng (1000m)			
I.2.2	Bến xuất sản phẩm (Jetty)	Đang hoạt động		Chuyên dùng dầu sản	11 ÷ 12
	Cảng Jetty 1		25		
	Cảng Jetty 2		25		
	Cảng Jetty 3		5		
	Cảng Jetty 4		5		
	Cảng Jetty 5		5		
	Cảng Jetty 6		5		
	Cảng Jetty 5		5		
	Cảng Jetty 6		5		
I.2.3	Bến nhập dầu thô (phao SPM)	Đang hoạt động	110	Chuyên dùng dầu thô	13

PHỤ BIỂU SỐ 9: DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRỌNG ĐIỂM TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ GIAI ĐOẠN 2016-2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2014			Dự kiến kế hoạch năm 2015						Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020						Ghi chú				
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh		Nguồn vốn khác			
						Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh																		Nguồn vốn khác	Tổng cộng	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT ven biển
(I)	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2016 - 2015					5,631,408	4,920,479	650,929	60,000	271,775	167,000	104,775	0	2,390,000	2,265,000	245,000	2,020,000	85,000	40,000	2,907,000	2,441,000	366,000	2,075,000	446,000	20,000			
A	Dự án chuyển tiếp năm 2015					1,356,705	787,948	568,757	0	271,775	167,000	104,775	0	265,000	230,000	230,000	0	35,000	0	734,000	320,000	320,000	0	414,000	0			
1	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa thu gom và xử lý nước thải KCN phía Đông Dung Quất	Bình Sơn	15km	2011-2015	117/QĐ-UBND ngày 28/7/2011	80,236	80,236			28,475	28,000	475		5,000	5,000	5,000			0	0								
2	Dự án đường Bình Long - cảng Dung Quất giai đoạn II (Đường Võ Văn Kiệt)	Bình Sơn	9km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/7/2013	447,000	300,000	147,000		80,000	80,000			80,000	80,000	80,000			287,000	140,000	140,000			147,000				
3	Dự án Tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam Khu đô thị mới Vạn Tường	Đô thị Vạn Tường	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 20/8/2014	397,712	207,712	190,000		45,000	40,000	5,000		75,000	75,000	75,000			275,000	90,000	90,000			185,000				
4	Đầu tư xây dựng Cầu Trà Đông	Bình Sơn	450m	2014-2016	1605/QĐ-UBND	287,461	200,000	87,461		24,000	19,000	5,000		70,000	70,000	70,000			172,000	90,000	90,000			82,000				
5	Đường gom Quốc lộ 1A (D3 và D4)	Tỉnh Phong	2,4km	2013-2014	1516/QĐ-UBND	64,296		64,296		49,300				0					0	0								
6	Dự án bồi thường, cải tạo mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào phía Đông Dung Quất	Bình Sơn	10ha	2014		15,000		15,000		10,000		10,000		5,000				5,000	0	0							Vốn bố trí năm 2014 chưa thực hiện xin chuyển sang thực hiện trong năm 2015	
7	Hỗ trợ di dời Nhà máy mì Tịnh Phong	Sơn Tịnh		2014-2015		65,000		65,000		35,000		35,000		30,000				30,000	0	0								
B	Dự án khởi công mới năm 2015					4,274,703	4,132,531	82,172	60,000	0	0	0	0	2,125,000	2,035,000	15,000	2,020,000	50,000	40,000	2,173,000	2,121,000	46,000	2,075,000	32,000	20,000			
1	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	Đô thị Vạn Tường	3,5 ha	2015-2016	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	61,078	61,078							15,000	15,000	15,000			46,000	46,000	46,000							
2	Xây dựng đường Trì Bình - cảng Dung Quất	Bình Sơn	8,743 km	2014-2018	648/QĐ-UBND ngày 29/4/2014	1,503,714	1,503,714							450,000	450,000		450,000		1,050,000	1,050,000			1,050,000				Cuối năm 2014 bố trí vốn thực hiện đến 31/12/2015 từ nguồn vượt thu để cải cách tiền lương	
3	Kè chống sạt lở kè hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cánh Ninh hạ lưu sông Trà Bông phục vụ Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn I)	Bình Sơn	61,5ha	2015-2016	1611/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	695,578	695,578							440,000	440,000		440,000		255,000	255,000			255,000				Cuối năm 2014 bố trí vốn thực hiện đến 31/12/2015 từ nguồn vượt thu để cải cách tiền lương	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2014			Dự kiến kế hoạch năm 2015					Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020					Ghi chú					
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng	NSTW			Tổng cộng		NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		
						Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh										Ngân sách tỉnh	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT ven biển	Hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất và các nguồn khác						Hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất và các nguồn khác	
						Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh										Ngân sách tỉnh	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT ven biển	Hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất và các nguồn khác						Hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất và các nguồn khác	
(II)	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020					11,750,000	9,985,000	610,000	1,235,000	500	-	500	-	10,000	10,000	-	10,000	-	-	5,925,000	4,995,000	1,565,000	3,430,000	495,000	435,000		
I	Năm 2016					4,065,000	3,585,000	245,000	235,000	500	0	500	0	10,000	10,000	0	10,000	0	0	3,410,000	2,930,000	200,000	2,730,000	245,000	235,000		
1	Xây dựng hạ tầng xử hội phục vụ cho các hộ dân còn lại xung quanh Nhà máy lọc dầu Dung Quất mở rộng: Trường mẫu giáo, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nâng cấp chợ Bình Trị	Bình Sơn		2016-2017		15,000		15,000												15,000				15,000			
2	Xây dựng chợ Bình Đông	Bình Sơn		2016-2017		15,000		15,000												15,000				15,000			
3	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa thu gom và xử lý nước thải KCN phía Tây Dung Quất	Bình Sơn	15km	2016-2020		150,000	150,000													150,000	150,000	150,000					
4	Dự án Khu dân cư phục vụ mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Bình Sơn	56 ha	2016-2020		932,000	932,000													930,000	930,000		930,000				
5	Bồi thường GPMB tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư các dự án hoá dầu tại KCN phía Đông	Bình Sơn	80ha	2016-2017		120,000		15,000	105,000											120,000				15,000	105,000		NST hỗ trợ thực hiện công tác bồi thường tạo quỹ đất sạch
6	Bồi thường GPMB tạo quỹ đất sạch Khu vực cảng Dung Quất 1	Bình Sơn	75,7ha	2016-2017		150,000		20,000	130,000											150,000				20,000	130,000		
7	Tuyến đường vào khu xử lý chất thải nguy hại	Bình Sơn	3km	2016-2017	253/QĐ-BQL	30,000		30,000												30,000				30,000			
8	Tuyến đường nhánh rẽ vào KCN nâng Dung Quất phía Đông (hóa dầu, hóa khí)	Bình Sơn	0,7 km	2016-2018		50,000	50,000													50,000	50,000	50,000					
9	Tuyến đường trục nối Khu kinh tế Dung Quất 1 và Dung Quất 2	Bình Sơn, Sơn Sơn	12,935km	2016-2022		2,453,000	2,453,000			500		500		10,000	10,000		10,000			1,800,000	1,800,000		1,800,000				
10	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng KCN phía Tây Dung Quất	KKT DQ		2016-2020		150,000		150,000												150,000				150,000			NST hỗ trợ một phần kinh phí bồi thường GPMB nhằm kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN
II	Năm 2017					1,920,000	1,750,000	170,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	870,000	700,000	700,000	0	170,000	0		
1	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng VSIP (giai đoạn 2)	Sơn Tịnh		2017-2020		100,000		100,000												100,000	0			100,000			
2	Đầu tư xây dựng HTKT các khu nghĩa địa còn lại trong KKT Dung Quất	KKT DQ		2017-2020		70,000		70,000												70,000	0			70,000			
3	Tuyến đường Dốc Sỏi - phía Nam sân bay Chu Lai	Bình Sơn	2,4km	2017-2021	1448/QĐ-LĐBNĐ	250,000	250,000													200,000	200,000	200,000					
4	Xây dựng HTKT các khu dân cư tại Dung Quất 2	Bình Sơn, Sơn Sơn	100ha	2017-2023		1,500,000	1,500,000													500,000	500,000	500,000					
III	Năm 2018					3,260,000	3,230,000	30,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,100,000	1,070,000	370,000	700,000	30,000	0		

STT	Định mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2014				Dự kiến kế hoạch năm 2015					Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020					Chi chú		
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng	NSTW			Tổng cộng	NSTW			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh		Nguồn vốn khác	
						Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh						Nguồn vốn khác	Tổng cộng	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT ven biển		Hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất và các nguồn khác	Tổng cộng	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT ven biển					Hỗ trợ từ nguồn thu NMLD Dung Quất và các nguồn khác
1	Kê chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn đi dân tại định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	35ha	2018-2022		450,000	450,000										250,000	250,000		250,000					
2	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Phường Hoàng	Đô thị Vạn Tường	10,95 ha	2018-2019		30,000		30,000									30,000					30,000			
3	Bồi thường, GPMB tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư dự án Đưa khí vào bờ tại Khu kinh tế Dung Quất	KKT DQ	300ha	2018-2020		450,000	450,000										450,000	450,000		450,000					
4	Kê chắn cát cảng Dung Quất 1 (giai đoạn 2)		0,5km	2018-2021		250,000	250,000										170,000	170,000	170,000						
5	Xây dựng HTKT và HTXH phục vụ di dời xã Bình Thuận (Khu ở số 3 đô thị Vạn Tường)	Đô thị Vạn Tường	130ha	2018-2024		2,080,000	2,080,000										200,000	200,000	200,000					Chia thành nhiều giai đoạn để di dời từng đợt	
III	Năm 2019					635,000	620,000	15,000	0	0	0	0	0	0	0	0	175,000	160,000	160,000	0	15,000	0			
1	Xây dựng HTKT tại khu phía Tây	Bình Sơn	50ha	2019-2023		500,000	500,000										100,000	100,000	100,000						
2	Tuyến đường Đông - Tây nội khu ở số 3 và đường Võ Văn Kiệt (trong đô thị Vạn Tường)	Đô thị Vạn Tường	03km	2019-2022		120,000	120,000										60,000	60,000	60,000						
3	Xây dựng Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất	Bình Sơn	2ha	2019		15,000		15,000									15,000					15,000			
III	Năm 2020					1,870,000	720,000	150,000	1,000,000	0	0	0	0	0	0	0	370,000	135,000	135,000	0	35,000	200,000			
1	Tuyến đường nội Lâm viên Vạn Tường và tuyến 7,5km	Đô thị Vạn Tường	1,2km	2020-2022		50,000		50,000									15,000	0				15,000			
2	Khu dân cư Lạc Sơn	Đô thị Vạn Tường	11ha	2020-2024		100,000	100,000										20,000	20,000	20,000						
3	Tuyến đường liên cảng Dung Quất 1	Bình Sơn	1,1km	2020-2024		100,000		100,000									20,000	0				20,000			
4	Tuyến đường nội Khu dân cư Cà Ninh đến đường Võ Văn Kiệt	Bình Sơn, Sơn Tịnh	2,3km	2020-2024		70,000	70,000										15,000	15,000	15,000						
5	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Hòa và Bình Phước, huyện Bình Sơn	Bình Sơn	300ha	2020-2024		500,000		500,000									100,000						100,000		
6	Xây dựng HTKT KDC Bình Hoà.	Đô thị Vạn Tường	30ha	2020-2024		300,000	300,000										50,000	50,000	50,000						
7	Tuyến đường trục chính vào khu dân cư Bình Hoà	Bình Sơn	1,1km	2020-2022		50,000	50,000										10,000	10,000	10,000						
8	Tuyến đường vành đai Khu trung tâm phía Bắc đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	4,085km	2020-2024	1499/QĐ-UBND, 2020/2021	200,000	200,000										40,000	40,000	40,000						
9	Xây dựng Cảng du lịch Vạn Tường và đường vào.	Đô thị Vạn Tường	chiều dài 0,5km	2020-2024		500,000		500,000									100,000						100,000	Kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2014					Kế hoạch năm 2015					Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020					Ghi chú
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư				Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng cộng các nguồn	NSTW hỗ trợ hạ tầng KKT ven biển									
						Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác						NSTW hỗ trợ hạ tầng KKT ven biển	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	2016	2017	2018	2019	2020		
II Năm 2017						1,750,000	1,750,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	140,000	200,000	200,000	180,000	
3	Tuyến đường Dốc Sỏi - phía Nam sân bay Chu Lai	Bình Sơn	2,4km	2017-2021	1448/QĐ-UBND, 30/9/2011		250,000	250,000												70,000	50,000	50,000	50,000	
4	Xây dựng HTKT các khu dân cư tại Dung Quất 2	Bình Sơn, Sơn Tịnh	100ha	2017-2023			1,500,000	1,500,000												70,000	150,000	150,000	130,000	
III Năm 2018						2,330,000	2,330,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100,000	130,000	140,000	
5	Kè chắn cát cảng Dung Quất 1 (giai đoạn 2)		0,5km	2018-2021			250,000	250,000													40,000	60,000	70,000	
6	Xây dựng HTKT và HTXH phục vụ di dời xã Bình Thuận (Khu ở số 3 đô thị Vạn Tường)	Đô thị Vạn Tường	130ha	2018-2024			2,080,000	2,080,000													60,000	70,000	70,000	Chia thành nhiều giai đoạn để di dời từng đợt
III Năm 2019						620,000	620,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	80,000	80,000	
7	Xây dựng HTKT tại khu phía Tây	Bình Sơn	50ha	2019-2023			500,000	500,000														50,000	50,000	
8	Tuyến đường Đông - Tây nối khu ở số 3 và đường Võ Văn Kiệt (trong đô thị Vạn Tường)	Đô thị Vạn Tường	03km	2019-2022			120,000	120,000														30,000	30,000	
III Năm 2020						720,000	720,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	135,000	
9	Khu dân cư Lạc Sơn	Đô thị Vạn Tường	11ha	2020-2024			100,000	100,000															20,000	
10	Tuyến đường nối Khu dân cư Cà Ninh đến đường Võ Văn Kiệt	Bình Sơn, Sơn Tịnh	2,3km	2020-2024			70,000	70,000															15,000	
11	Xây dựng HTKT KDC Bình Hoà	Đô thị Vạn Tường	30ha	2020-2024			300,000	300,000															50,000	
12	Tuyến đường trục chính vào khu dân cư Bình Hoà	Bình Sơn	1,1km	2020-2022			50,000	50,000															10,000	
13	Tuyến đường vành đai Khu trung tâm phía Bắc đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	4,085km	2020-2024	1449/QĐ-UBND, 30/9/2011		200,000	200,000															40,000	